

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22834201] - Điện tử ứng dụng và IoT (CCQ2215A)
CBGD: Nguyễn Thị Mai Lan (280032)

Số SV có mặt: 15...
Số bài thi: 15...
Số tờ giấy thi: 45..

mak
NTMLan
Gmm
NTNTuyen
mak
NTMLan
Gmm
NTNTuyen

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150028	Lê Tấn Bằng	29/09/2004	CCQ2215A		Bằng	5,0	5,3	5,2
2	2122150013	Nguyễn Quốc Bảo	29/05/2004	CCQ2215A		Bảo	7,0	7,3	7,2
3	2122150040	Huỳnh Duy Bình	08/10/2004	CCQ2215A		Bình	8,0	6,9	7,3
4	2122150078	Lương Văn Bình	24/10/2004	CCQ2215C		Bình	7,3	7,0	7,1
5	2122150068	Ngô Thanh Diệu	14/08/2004	CCQ2215C		Diệu	6,5	5,5	5,9
6	2122150052	Trần Minh Dương	20/04/2004	CCQ2215C		Dương	6,8	6,5	6,6
7	2122150034	Nguyễn Xuân Giáp	16/12/2004	CCQ2215A		Giáp	6,0	5,0	5,4
8	2122150023	Nguyễn Quốc Hoài	08/01/2004	CCQ2215A		Hoài	7,5	6,0	6,6
9	2122150061	Phạm Văn Hùng	25/08/2004	CCQ2215C		Hùng	5,3	4,8	5,0
10	2122150018	Đinh Văn Huy	27/02/2004	CCQ2215A		Huy	5,3	5,0	5,1
11	2122150043	Già Tấn Huyền	17/06/2004	CCQ2215A		Huyền	6,5	4,5	5,3
12	2122140031	Lê Hùng Kháng	07/02/2004	CCQ2214A		Kháng	5,8	6,3	6,1
13	2122140010	Nguyễn Văn Lan	17/06/2004	CCQ2214A		Lan	5,5	5,5	5,5
14	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh Lý	12/04/2004	CCQ2215A		Lý	6,5	5,0	5,6
15	2122150004	Phan Văn Lý	26/06/2004	CCQ2215A		Lý	5,3	3,5	4,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22834202] - Điện tử ứng dụng và IoT (CCQ2215B)
CBGD: Nguyễn Thị Mai Lan (280032)

Số SV có mặt: 18...
Số bài thi:18...
Số tờ giấy thi: 18...

mark
NTMLan
mark
NTMLan
mark
NTMLan
mark
NTMLan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150049	Nguyễn Quốc Đạt		25/04/2004	CCQ2215C		<i>X</i>	7,3	6,3	6,7
2	2122140063	Phan Đức Đạt		10/04/2004	CCQ2214B		<i>Đ</i>	6,5	6,0	6,2
3	2122170583	Huỳnh Thái Nhã		30/06/2004	CCQ2215B		<i>Thái Nhã</i>	7,0	7,5	7,3
4	2122140053	Trần Nhật		13/01/2004	CCQ2214B		<i>Nhật</i>	7,5	7,3	7,4
5	2122150037	Đỗ Thế Quân		01/01/2004	CCQ2215B		<i>Đ</i>	6,0	4,3	5,0
6	2122150017	Trần Khánh Quốc		27/10/2004	CCQ2215B		<i>Quốc</i>	6,8	6,5	6,6
7	2122150029	Cao Huỳnh Thái Sơn		20/07/2004	CCQ2215B		<i>Sơn</i>	7,3	8,0	7,7
8	2122150007	Nguyễn Minh Tâm		27/10/2004	CCQ2215B		<i>Tâm</i>	7,6	7,8	7,7
9	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài Tấn		11/06/2004	CCQ2215B		<i>Hoài Tấn</i>	8,5	8,5	8,5
10	2122150035	Huỳnh Văn Thịnh		28/09/2003	CCQ2215B		<i>Thịnh</i>	6,6	6,0	6,2
11	2122150025	Phan Ngọc Thông		21/03/2004	CCQ2215B		<i>Thông</i>	7,5	6,5	6,9
12	2121150021	Nguyễn Kim Tiến		15/09/2003	CCQ2115A					
13	2122150006	Nguyễn Thành Tính		20/04/2004	CCQ2215B		<i>Tính</i>	8,0	8,5	8,3
14	2122150019	Nguyễn Minh Trí		01/11/2003	CCQ2215B		<i>Trí</i>	5,8	4,5	5,0
15	2122150042	Đặng Công Trình		26/04/2004	CCQ2215B		<i>Trình</i>	6,9	8,0	7,6
16	2122150031	Nguyễn Minh Trực		17/02/2004	CCQ2215B		<i>Trực</i>	8,0	8,0	8,0
17	2122150030	Hồ Quang Trung		28/10/2004	CCQ2215B		<i>Trung</i>	6,8	7,3	7,1
18	2122150014	Nguyễn Văn Truyền		25/10/2004	CCQ2215B		<i>Truyền</i>	6,0	5,5	5,7
19	2122150096	Tô Tuấn Việt		14/10/2004	CCQ2215B		<i>Việt</i>	8,5	7,0	7,6